

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

Số : / HĐTD

Căn cứ

– Bộ Luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm năm ngoái – Luật Ngân hàng nhà nước Nước Ta năm 2010 – Thỏa thuận của hai bên

Xem thêm: Quy định pháp luật về công ty con của tổ chức tín dụng

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ... Chúng tôi gồm :

BÊN CHO VAY (BÊN A):.....

Địa chỉ : Điện thoại : Fax : ... Tài khoản số : Tại : ... Đại diện : ..
Chức vụ :

BÊN VAY (BÊN B):

Địa chỉ : Điện thoại : Fax : Tài khoản số : Tại : Hai bên thống nhất việc Bên A cho Bên B vay vốn từ nguồn quỹ của A theo những điều kiện kèm theo sau đây :

Điều 1: Nội dung cho vay:

Bên A cho Bên B vay tổng số tiền vay bằng số là : bằng chữ là : ...

Điều 2: Mục đích sử dụng tiền vay:

Số tiền vay sẽ được sử dụng vào mục tiêu kinh doanh thương mại trong Bản dự án Bất Động Sản kinh doanh thương mại được đính kèm theo hợp đồng.

Điều 3: Biện pháp đảm bảo:

2.1 Hai bên thống nhất biện pháp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ hợp đồng là

– Cầm cố bằng – Thế chấp bằng – Các giải pháp bảo vệ khác theo thỏa thuận hợp tác của hai bên

2.2 Chi tiết về biện pháp và tài sản đảm bảo được cụ thể trong các giấy tờ chứng thực liên quan đính kèm cùng hợp đồng.

Điều 4: Thời hạn cho vay:

4.1 Thời hạn cho vay là:..... tháng, từ ngày ...tháng ...năm ...đến ngày... tháng... năm....

4.2 Ngày trả nợ cuối cùng là: ngày ... tháng... năm...

Điều 5: Lãi suất cho vay và phương thức thanh toán nợ, nợ quá hạn:

5.1 Lãi suất cho vay là%/tháng được tính trên tổng số tiền vay.

5.2 Tiền lãi được tính trên tổng số tiền vay, theo lãi suất cho vay nhân với thời gian vay. Thời gian vay được kể từ ngày Bên B nhận tiền vay đến ngày trả hết nợ gốc và lãi (kể cả lãi quá hạn nếu có), căn cứ vào các phiếu thu của Bên A được hai bên ký nhận theo điều 5.3 dưới đây.

5.3 Trường hợp Bên B nhận tiền vay thành nhiều lần thì mỗi lần nhận tiền vay, hai bên ký Phiếu thu hoặc Biên lai nhận nợ. Phiếu thu, biên lai nhận nợ được đính kèm cùng Hợp đồng này.

5.4 Lãi suất nợ quá hạn: Trường hợp đến kỳ trả nợ gốc và lãi, nếu Bên B không thanh toán toàn bộ nợ (gốc và lãi) mà không có thoả thuận nào khác với Bên A thì Bên B phải chịu lãi suất nợ quá hạn bằng 150% (một trăm năm mươi phần trăm) lãi suất cho vay.

5.5 Nếu hết hạn mà Bên B không thể thanh toán các khoản nợ thì Bên A áp dụng các biện pháp đảm bảo như đã thỏa thuận.

5.6 Các bên thoả thuận thứ tự thu nợ.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

6.1 Có các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Quy chế vay vốn của Bên A.

6.2 Yêu cầu Bên B thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết.

6.3 Ngừng cho vay, chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện Bên B cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng.

6.4 Giao cho Bên B tiền vay theo lịch trình đã thoả thuận tại Hợp đồng này.

6.5 Nhận tiền lãi vay hàng tháng, lãi suất nợ quá hạn trong trường hợp đến kỳ thanh toán mà Bên B không trả được nợ.

6.6 Áp dụng các biện pháp đảm bảo theo thỏa thuận để đảm bảo quyền lợi của mình.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

7.1 Yêu cầu Bên A thực hiện đúng các nghĩa vụ đã cam kết.

7.2 Từ chối các yêu cầu của Bên A không đúng với các thỏa thuận trong Hợp đồng này.

7.3 Sử dụng tiền vay đúng mục đích và thực hiện đúng các nội dung khác đã thỏa thuận trong Hợp đồng vay vốn.

7.4 Thanh toán đầy đủ, đúng hạn toàn bộ nợ (gốc và lãi) cho Bên A.

7.5 Chịu trách nhiệm trước Bên A, trước pháp luật khi không thực hiện đúng cam kết theo Hợp đồng này hoặc quy chế vay vốn của Bên A.

Điều 8: Sửa đổi, bổ sung hợp đồng:

Các pháp luật trong Hợp đồng này hoàn toàn có thể được sửa đổi theo thỏa thuận hợp tác của hai bên. Bất kì sửa đổi nào cũng phải được lập thành văn bản và có sự xác nhận của hai bên.

Điều 9: Giải quyết tranh chấp:

Mọi tranh chấp về Hợp đồng sẽ được hai bên xử lý bằng thỏa thuận hợp tác, nếu không hề xử lý bằng thỏa thuận hợp tác thì hai bên hoàn toàn có thể đưa tranh chấp ra Tòa án nhân dân để xử lý.

Điều 10: Hiệu lực và số bản của hợp đồng:

10.1 Hợp đồng có hiệu lực từ ngày kí kết và chấm dứt khi các bên hoàn thành các nghĩa vụ trong Hợp đồng.

10.2 Hợp đồng này được lập thànhbản và có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

BÊN B